TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2025/HS-PT
Ngày: 13-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2025/TLPT-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Trương Thị Tuyết H về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1140/2025/QĐXXPT-HS ngày 25/4/2025.

1. Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Trương Thị Tuyết H, sinh ngày 04/10/1966 tại Bình Định; nơi thường trú: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: lớp 05/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Trương Công H1 và con bà Đỗ Thị B; có chồng tên là Hồ Văn Đ và có 02 con, con lớn sinh năm 1994 và con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

2. Bị hại có kháng cáo:

Bà Đinh Thị Đ1, sinh năm 1984; trú tại: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2019, Đỗ Thị P bắt đầu hoạt động cho một số người dân ở địa phương vay, mượn để lấy tiền lãi. Khoảng đầu năm 2023, P cho bà Đinh Thị Đ1 (sinh năm 1984; trú tại: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định) và ông Bạch Văn K (sinh năm 1964; trú tại: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định) vay với số tiền ít, nhưng sau đó dùng các thủ đoạn đe dọa, ép buộc người vay tiền phải viết nhận nợ số tiền lớn hơn nhiều so với số tiền thực vay để chiếm đoạt. cụ thể như sau:

1. Đối với bà Đinh Thị Đ1:

Do cần tiền để chăm sóc mẹ chồng bị bệnh ung thư phổi, nên ngày 29/5/2023 bà Đinh Thị Đ1 (người dân tộc thiểu số) đến nhà Đỗ Thị P hỏi vay 10.000.000 đồng, thời hạn trả trong vòng 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 300.000 đồng/ngày. Khi viết Giấy vay, P yêu cầu bà Đ1 viết số tiền là 25.000.000 đồng, do cần tiền nên bà Đ1 đã viết theo yêu cầu của P.

Ngày 18/6/2023, bà Đ1 đến nhà Đỗ Thị P hỏi vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 400.000 đồng/ngày. Cũng như thủ đoạn trên, P yêu cầu bà Đ1 viết Giấy vay nợ P số tiền 45.000.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 7/2023 đến hạn trả nợ, P gọi điện thoại đòi nợ nhưng Bà Đ1 không có tiền trả, nên P nói bà Đ1 đến nhà P. Tại nhà P lúc này có Đỗ Phi L (sinh năm 2009) và Nguyễn Việt H2 (sinh năm 2017) đều là con của P ở nhà. Tại đây, P nói "*Mày coi mượn tiền ai rồi trả cho tao chớ, nếu mày không trả thì mày viết cho tao giấy nợ thành 400.000.000 đồng, tao chốt nợ cho mày*". Bà Đ1 không đồng ý vì số tiền quá lớn thì P nói "*Mày không trả tiền thì vậy chớ sao*" và đe dọa "*Mày không viết, tao đến nhà mày tao quậy, tao siết đồ, siết xe*", rồi chửi mắng bà Đ1 "*Đ. mẹ mày mượn tiền giờ phải trả, không trả thì viết giấy cho tao*". Sợ P xuống nhà quậy nên bà Đ1 miễn cưỡng viết Giấy mượn bà Đỗ Thị P số tiền 400.000.000 đồng theo như yêu cầu của P và đưa tờ Giấy mượn tiền này cho P cất giữ. Khi viết, bà Đ1 hỏi P "*Tại sao lại ghi hết vào ngày 18/6/2023*" thì P nói "*Mày cứ ghi ngày đó đi, tao chốt nợ cho mày, mấy tờ giấy nợ kia tao xé hết*".

Đến cuối tháng 8/2023, do bà Đ1 không có tiền trả nợ cho P nên P nói bà Đ1 là đi vay tiền của bà Trương Thị Tuyết H (sinh năm 1966; trú tại: thôn Đ, xã V, huyện V) để trả cho P và bà Đ1 đã vay của bà H số tiền 60.000.000 đồng (ngày 29/8/2023 vay 40.000.000 đồng và ngày 31/8/2023 vay 20.000.000 đồng) để trả cho P.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 22/9/2023, P cùng con trai là Đỗ Phi L đến nhà bà Đ1 đòi nợ. Tại đây, P chửi mắng bà Đ1 lớn tiếng và đe dọa "*Mày mượn tiền*

của tao không chịu trả, mày tin tao chém mày chết không". Bà Đ1 nói để Đ1 mượn tiền trả. P đe dọa "*Giờ mày không trả tiền thì tao lấy xe của mày*" rồi xông đến chỗ bà Đ1 tiếp tục mắng chửi và đòi lấy xe của Đ1. Lúc này, bà Đ1 đang bế (ẵm) con trai trên tay, sợ bị bà P đánh nên bà Đ1 lấy điện thoại di động hiệu Redmi 9A mở chế độ quay phim (ghi hình có âm thanh) và hướng camera về phía P để quay video lại. Thấy vậy, P nói "*Lúc mày qua nhà tao mượn tiền sao mày không quay video, giờ tao qua nhà mày đòi nợ mày lại quay video tao*" rồi xông đến dùng tay giật lấy điện thoại bà Đ1 đang cầm và nói "*Giờ tao lấy điện thoại của mày, mày trả tiền cho tao rồi tao đưa cho mày*". Bà Đ1 năn nỉ P trả lại điện thoại nhưng P nói "*Tao không trả. Khi nào mày có tiền trả cho tao thì tao trả lại điện thoại cho mày*" rồi cùng L đi về.

Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 11/10/2023, P cùng con trai là Đỗ Phi L và Trương Thị Tuyết H đến nhà bà Đ1 đòi nợ. Khi vào nhà bà Đ1, P hỏi bà Đ1 khi nào đưa rẫy cho P khai thác cây và H đòi bà Đ1 trả nợ. Bà Đ1 nói mẹ chồng bà Đ1 mới mất, chưa đi làm nên chưa có tiền trả. H không đồng ý và tiếp tục đòi tiền. Lúc này, P nói "*Giờ mày không có tiền thì dắt xe máy của mày đem qua nhà thằng C cắm lấy tiền để trả lãi*". H đồng tình hưởng ứng nói lấy xe của Đ1. Đâm không đồng ý nhưng P và H cùng nói dắt xe Đâm đi cầm. Sau đó, H đi đến chỗ xe mô tô biển số 77N7 – 0624 của bà Đ1 rồi gạt chân chống xe, định dắt xe đi thì bà Đ1 dùng tay nắm phần đuôi xe ngăn cản. Bà Đ1 nói "*Xe này để em đi làm, em không cho chị dắt đi*". Sau đó, H ngồi lên xe mô tô của bà Đ1 rồi nổ máy xe để lái xe đi ra đường trước nhà bà Đ1 (bà Đ1 vẫn đang dùng tay nắm phần đuôi xe kéo lại) thì ông Đinh Văn Ê (là hàng xóm của bà Đ1) nói "*Đừng lấy xe con Đâm, nợ nần gì thì từ từ trả chứ*". Một lúc sau, 02 cán bộ Công an xã V nhận được tin báo đến giải quyết vụ việc và yêu cầu mọi người không được đến nhà bà Đ1 chửi mắng lớn tiếng gây mất an ninh trật tự. Sau đó, P cùng bà H, L đi về nhà.

Ngoài ra, vào ngày 19/7/2023 và ngày 20/7/2023 P yêu cầu bà Đ1 đến trang trại của P. Tại đây, do bà Đ1 không có tiền trả nợ cho P nên P yêu cầu bà Đ1 viết Giấy mượn tiền của P số tiền 101.000.000 đồng, bà Đ1 không đồng ý thì P nói "*Không trả thì gán cái rẫy của vợ chồng bà Đ1 cho P. Còn nếu không trả thì P sẽ kêu người chém, xuống đốt nhà, siết đồ, bắt con*". Mặc dù, vợ chồng bà Đ1 đã bán đất rẫy của vợ chồng ở Làng M (thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định) cho bà Nguyễn Thị Như S (sinh năm 1978; trú tại: khu phố K, thị trấn V, huyện V, Bình Định) với số tiền 110.000.000 đồng để trừ nợ (việc mua bán có lập Hợp đồng mua bán nhưng không công chứng), nhưng do không có tiền trả và bị P chửi, đòi nợ, đe dọa nên bà Đ1 sợ và để kéo dài thời gian trả nợ cho P nên bà Đ1 miễn cưỡng

đồng ý viết Giấy nợ 101.000.000 đồng và viết Giấy bán đất rẫy nói trên cho P số tiền 101.000.000 đồng.

2. Đối với ông Bạch Văn K:

Vào ngày 26/7/2023, ông Bạch Văn K (người dân tộc thiểu số) đến trang trại của P để hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 10 ngày (lần vay này không viết giấy và ông K chưa trả). Vào ngày 06/8/2023, ông K tiếp tục vay của P số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất là 150.000 đồng/ngày (tương ứng 01%/ngày) và ông K viết Giấy ghi mượn tiền của P số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 26/7/2023. Sau đó, khi đến hạn thỏa thuận, P gọi điện cho ông K đòi ông K trả nợ tiền gốc và tiền lãi. Do không có tiền trả nên ông K hẹn P là 01 tháng nữa ông K sẽ trả tiền thì P đồng ý.

Đến ngày 29/8/2023, P gọi điện thoại cho ông K đòi nợ và nói ông K đến nhà P để giải quyết, nếu không đến thì P sẽ đến nhà chửi mắng, quậy phá. Do sợ ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của gia đình nên chiều ngày 29/8/2023 ông K đến trang trại của P thỏa thuận việc trả nợ. Tại đây, P chửi mắng yêu cầu K trả nợ và viết lại Giấy mượn số tiền 50.000.000 đồng - 60.000.000 đồng và đe dọa "*Nếu không viết giấy nợ thì sẽ gọi người đến nhà đánh, siết đồ*". Do sợ nên ông K đồng ý viết mượn P số tiền 70.000.000 đồng rồi đưa cho P.

Đến ngày 12/9/2023, P gọi điện thoại cho ông K bảo ông đến trang trại của P để giải quyết nợ nần, nếu không đến thì P đến cơ quan, đến nhà ông K quậy. Do sợ nên ông K đi một mình đến trang trại của P thì P yêu cầu ông K trả nợ gốc và lãi. Ông K nói từ từ trả. P nói "*Giờ chưa trả thì viết lại giấy mượn số tiền 200.000.000 đồng*". Ông K không đồng ý vì số tiền quá lớn. P đe dọa "*Nếu chú không viết thì tôi kêu người đến nhà, đến cơ quan quậy*". Ông K hỏi lại "*Sao viết nhiều dữ?*" thì P nói "*Chú cứ viết đi, khi nào chú trả tiền thì tính tiền gốc, lãi theo thực tế*". Ông K chần chừ không muốn viết giấy mượn tiền thì P đe dọa sẽ viết đơn tố cáo ông K lừa đảo P gửi đến cơ quan ông K và con trai ông K. Sợ ảnh hưởng đến công việc, gia đình và cơ quan nên ông K miễn cưỡng viết Giấy mượn số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của P rồi đưa cho P.

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/10/2023, P cùng với Bùi Trúc S1 đến Chi cục thống kê huyện V. P gọi điện bảo ông K ra trước cổng cơ quan để giải quyết nợ nần, nếu không ra thì P sẽ vô cơ quan quậy. Ông K đi ra trước cổng cơ quan gặp P và S1. P nói ông K phải trả tiền gốc và lãi, nếu không trả thì P vô cơ quan quậy. Ông K nói không có tiền thì P liên tục chửi mắng ông K lớn tiếng và nói lấy xe mô tô của ông K để trừ nợ. Ông K năn nỉ P đừng lấy xe của K thì P đe dọa "*Chú mà không cho tui lấy thì tui vào cơ quan chú tui quậy cho người ta biết hết*".

Sợ ảnh hưởng đến uy tín của mình và cơ quan nên ông K miễn cưỡng đi vào cơ quan dắt xe mô tô biển số 77S9 – 9002 của ông K ra gần đến cổng thì P đến chỗ ông K đe dọa ông K đưa chìa khóa, nếu không sẽ vào cơ quan chửi mắng và la lớn cho mọi người biết. Bị đe dọa nên ông K đưa chìa khóa xe cho P. P dắt xe của ông K ra khỏi cổng cơ quan. Lúc này, S1 yêu cầu ông K phải nói theo nội dung mà S1 nói để S1 quay phim lại nhằm mục đích né tránh việc cưỡng đoạt tài sản. Rồi S1 dùng điện thoại di động của S1 quay phim (ghi hình có âm thanh) ông K nói "*Xe của tui, tui đưa xe thằng cháu nó mượn đi. Chừng nào tui cần tui nói nó đem xe lên*". Sau đó, P đưa xe của ông K cho S1 điều khiển đi, còn P điều khiển xe mô tô đi về. S1 điều khiển xe của ông K đến gửi tại nhà của Nguyễn Tấn T (sinh năm 1997; trú tại: khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định) là bạn của S1. S1 không nói cho T biết về nguồn gốc chiếc xe nói trên.

Ngày 14/10/2023, P đến cơ quan ông K gặp lãnh đạo của ông K gửi đơn yêu cầu ông K trả nợ số tiền 200.000.000 đồng. Khoảng đầu tháng 11/2023, Bùi Trúc S1 nhờ Nguyễn Nhật H3 (sinh năm 1999; trú tại: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định) là con trai của bà P gọi điện thoại cho ông K nói là trả lại xe mô tô 77S9 – 9002, rồi S1 đến Chi cục thống kê huyện V chở ông K đến nhà Nguyễn Tấn T để ông K lấy xe 77S9 - 9002.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 23 ngày 23/10/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, màu xanh đen, số IMEI 1: 865308052644714, số IMEI 2: 865308052644722 của Đinh Thị Đ1 có giá trị là 480.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27 ngày 30/11/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen, biển số 77N7 – 0624, số máy C63-307650, số khung AY-307578 của Đinh Thị Đ1 có giá trị là 6.650.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02 ngày 31/01/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Way, màu xanh, biển số 77S9 - 9002, số máy FMG-032031, số khung 22A-022344 của ông Bạch Văn K có giá trị là 1.500.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05 ngày 31/01/2024 Ngày 31/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Giá trị của 01 (một) phần đất rẫy tại khu sản xuất thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định có diện tích 0,8273 ha có trồng cây Điều, cây keo và Bạch đàn (tại thời điểm ngày 20/7/2023) có giá trị là 75.749.000 đồng.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Trương Thị Tuyết H phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết H 12 (Mười hai) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Trúc S1, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 24/02/2025, bị cáo Trương Thị Tuyết H kháng cáo bản án sơ thẩm xin hưởng án treo. Ngày 14/02/2025, bị hại Đinh Thị Đ1 kháng cáo bản án sơ thẩm xin cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thị Tuyết H trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo, bị hại là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trương Thị Tuyết H về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo trình độ văn hoá thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật. Kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 14 và 24 tháng 02 năm 2025, bị cáo Trương Thị Tuyết H và bị hại Đinh Thị Đ1 kháng cáo bản án sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Như vậy, kháng cáo của bị cáo, bị hại là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Thị Tuyết H và bị hại Đinh Thị Đ1:

[2.1] Về tội danh:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm và tại phiên toà xét xử phúc thẩm bị cáo Trương Thị Tuyết H khai nhận thể hiện:

Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của đồng bào dân tộc thiểu số, Đỗ Thị P đã có hành vi cho vay với số tiền ít sau đó dùng thủ đoạn đe doạ cưỡng ép buộc bị hại viết giấy nhận nợ với số tiền gấp hơn nhiều lần so với số tiền thực tế bị hại vay của P, cụ thể như sau: P cho bà Đinh Thị Đ1 vay số tiền 25.000.000 đồng nhưng đe doạ buộc bà Đ1 phải viết giấy nhận nợ với số tiền 400.000.000 đồng và 101.000.000 đồng về khoản tiền gán bán rẫy và đến nhà bà Đ1 đe doạ chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 77N7-0624 có giá trị 6.650.000 đồng; 01 điện thoại Redmi A9 có giá 480.000 đồng. Đối với khoản tiền ông Bạch Văn K vay P 20.000.000 đồng nhưng P đe doạ buộc ông K viết giấy nhận nợ 200.000.000 đồng và đến nơi làm việc của ông K đe doạ buộc ông K giao xe mô tô 77S9-9002 trị giá 1.500.000 đồng. Trương Thị Tuyết H đã có hành vi giúp sức cho Đỗ Thị P chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 77N7-0624 của bà Đinh Thị Đ1 có giá trị 6.650.000 đồng. Nội dung nêu trên phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ khẳng định bản án sơ thẩm kết án bị cáo Đỗ Thị P về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trương Thị Tuyết H về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản:

Khoản 1. Người nào đe doạ sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

…

Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị Tuyết H là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định và đánh giá về tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân bị cáo, cũng như nội dung kháng cáo của bị hại xin cho bị cáo hưởng án treo. Từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 12 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trương Thị Tuyết H cung cấp chứng cứ mới là Đơn xác nhận bà Đỗ Thị B1 (mẹ bị cáo) là người có công, có xác nhận của chính quyền địa phương; Quyết định của Quân khu E v/v trợ cấp một lần đối với dân công hoả tuyến tham gia kháng chiến đối với bà Đỗ Thị B; Phiếu kết quả chụp CT-SCANNER, Phiếu chiếu/chụp X Quang, Đơn thuốc của bị cáo H. Bị hại không cung cấp chứng cứ mới. Hội đồng xét xử thấy rằng: tình tiết mới này của bị cáo là không đáng kể làm thay đổi mức hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trương Thị Tuyết H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của Trương Thị Tuyết H và kháng cáo của bị hại Đinh Thị Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: bị cáo Trương Thị Tuyết H phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Tuyết H 12 (Mười hai) tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trương Thị Tuyết H phải chịu 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

Trần Quốc Cường